**MỤC TIÊU HỌC THỰC HÀNH LÂM SÀNG TẠI KHOA HÔ HẤP NHI**

**Đối tượng:** sinh viên Y đa khoa năm thứ 6

**Địa điểm:** Khoa Hô hấp Nhi Đồng 1 & 2.

**Thời gian:** 1 tuần, thực hành buổi sáng (7:00-11:00), buổi chiều (13:30-16:00), trực 1 đêm/tuần (19:00-7:00), theo sự phân công của giảng viên lâm sàng tại khoa.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **Chỉ tiêu** |
| 1 | Giao tiếp tốt với trẻ em và gia đình trẻ. | * Phụ trách khám và theo dõi ≥ 2 bệnh nhi (BN). * Làm 1 bệnh án nhi mới nhập viện. * Phân tích 2 khí máu động mạch * Đọc 2 phim X quang ngực. |
| 2 | Hỏi đầy đủ các thành phần trong bệnh sử và tiền sử của bệnh án nhi khoa. |
| 3 | Lấy dấu hiệu sinh tồn và thăm khám toàn diện, áp dụng y học chứng cứ vào thăm khám lâm sàng. |
| 4 | Cân, đo (chiều cao, vòng đầu, vòng ngực, vòng cánh tay), đánh giá phát triển thể chất, tâm thần, vận động và tình trạng dinh dưỡng. |
| 5 | Viết và trình bệnh án nhi khoa. |
| 6 | Tiếp cận chẩn đoán trẻ ho, khó thở. |
| 7 | Tiếp cận chẩn đoán trẻ khò khè. |
| 8 | Tiếp cận chẩn đoán trẻ thở rít |
| 8 | Đọc được X quang phổi: viêm phế quản, viêm phổi, tràn dịch-khí màng phổi, áp xe phổi, tuyến ức lớn, ứ khí, xẹp phổi. |
| 9 | Phân tích được khí máu động mạch. |
| 10 | Phân tích triệu chứng lâm sàng & kết quả cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán. |
| 11 | Chẩn đoán và điều trị 5 bệnh: viêm hô hấp trên, viêm thanh khí phế quản, viêm tiểu phế quản, viêm phổi, hen. |
| 12 | Kê toa và tham vấn sử dụng thuốc (kháng sinh, hạ sốt, giảm ho, thuốc cắt cơn hen, thuốc ngừa cơn hen) |
| 14 | Áp dụng 4 bước tham vấn trong: giải thích bệnh, hướng dẫn chăm sóc và theo dõi bệnh nhi bị hen (cách dùng thuốc cắt cơn, ngừa cơn, chế độ ăn, vận động, tập thể dục, chủng ngừa, tái khám) |
| 15 | Tuân thủ các nguyên tắc an toàn bệnh nhi khi thực hành lâm sàng. |
| 16 | Cân nhắc nguy cơ và lợi ích khi ra quyết định trên bệnh nhi. |

**THỜI KHOÁ BIỂU CHI TIẾT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giờ** | **Thứ hai** | **Thứ ba** | **Thứ tư** | **Thứ năm** | **Thứ sáu** |
| 7:00-8:00 | * SV trực đêm thăm khám BN phụ trách mỗi ngày + viết hồ sơ (6:30 – 07:30), giao ban với GV và BS nội trú (7:30-8:00) * SV không trực đêm thăm khám BN phụ trách mỗi ngày + viết hồ sơ. | | | | |
| 8:00-10:00 | Báo cáo tại giường bệnh cho BS nội trú & GV về diễn tiến BN phụ trách. | | | | |
| 10:00-11:30 | Làm  bệnh án | Thực hành phân tích khí máu động mạch | Thực hành đọc X quang phổi | Kê toa và tham vấn sử dụng thuốc | Thi lâm sàng |
| 13:30-16:00 | Nhận bệnh mới và theo dõi bệnh nặng tại khoa | Trình ca lâm sàng | Nhận bệnh mới và theo dõi bệnh nặng tại khoa | Trình bệnh tập trung | Nhận bệnh mới và theo dõi bệnh nặng tại khoa |
| 19:00-7:00 | Trực đêm 1 lần/tuần (chủ nhật 🡪 thứ năm) | | | | |

**NỘI QUY THỰC TẬP TẠI KHOA HÔ HẤP**

1. Sinh viên phải có mặt tại khoa buổi sáng từ 7:00 đến 11:30, buổi chiều từ 13:30 đến 16:00. Giảng viên sẽ điểm danh bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian này, nếu sinh viên không có mặt xem như **VẮNG MỘT BUỔI.**
2. Sinh viên phải khám bệnh mỗi ngày, lấy hồ sơ từ phòng hành chánh, khám và ghi diễn tiến bệnh, chẩn đoán, điều trị, ghi tên SV cuối mỗi phần khám (ví dụ: Y6 Nguyễn văn A/BS. ………) vào hồ sơ bệnh án. Đây là căn cứ để **ĐIỂM DANH SINH VIÊN**.
3. Sau khi khám bệnh phòng xong, đi thăm khám và báo cáo với BS phụ trách giường bệnh, ngoài ra sinh viên có thể tham gia nhận bệnh mới tại phòng hành chánh, theo dõi bệnh nặng tại phòng cấp cứu của khoa.
4. Tại mỗi giường bệnh sinh viêc có nhiệm vụ báo cáo cho BS phụ trách giường bệnh theo mô hình RIME như sau:

**R**eport : Báo cáo thông tin (lâm sàng, cận lâm sàng) mỗi ngày của bệnh nhi.

**I**nteprete : Diễn giải những thông tin dựa trên kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học chứng cứ.

**M**anagement : Ra quyết cho bệnh nhi: xét nghệm cần làm, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, phòng ngừa, tham vấn, …

**E**ducation : Hướng dẫn gia đình chăm sóc bệnh nhi, tự rút ra bài học cho bản thân ở mỗi ca bệnh.

1. Trực đêm từ tối chủ nhật đến tối thứ 5. Thời gian từ 19:00 đến 7:00. Mỗi sinh viên trực đêm 1 lần/tuần.

Nội dung công việc trong đêm trực:

* Tiếp nhận, làm bệnh án cho bệnh nhi mới nhập khoa và trình bác sĩ trực.
* Theo dõi diễn tiến bệnh nhi trong phòng cấp cứu hoặc trở nặng trong đêm.
* Giao ban sáng với BS nội trú/giảng viên từ 7:30 đến 8:00 tại phòng cấp cứu.

Mỗi buổi sáng báo cáo giao ban theo mẫu sau:

* Phần hành chánh: Bệnh nhân cũ? Bệnh nhập viện trong ngày? Bệnh nhân xuất viện? Bệnh nhân hiện còn?
* Báo cáo bệnh mới nhập viện trong đêm:
* Báo cáo nhanh: Họ tên, tuổi, giới, chẩn đoán, điều trị, nằm phòng nào (phòng cấp cứu hay phòng bệnh)? cần bàn giao gì cho ca trực ngày (những vấn đề cần lưu ý trong chẩn đoán, điều trị, theo dõi, nên làm xét nghiệm gì).
* Báo cáo chi tiết bệnh nhi mới nhập viện nào mà GV yêu cầu.
* Báo cáo bệnh nhi trở nặng trong đêm (ở phòng cấp cứu, ở phòng bệnh): Vấn đề và xử trí cấp cứu, bàn giao gì cho ca trực ngày (những vấn đề cần lưu ý trong chẩn đoán, điều trị, theo dõi, nên làm xét nghiệm gì).

1. Sinh viên vắng mặt phải gởi giấy phép trước cho giảng viên, nếu chờ điểm danh mới xuất trình giấy phép xem như **VẮNG** **KHÔNG PHÉP.**

**CHỈ TIÊU THỰC TẬP LÂM SÀNG Y6 – KHOA HÔ HẤP**

* Làm 1 bệnh án nhi khoa mới (làm trực tiếp vào hồ sơ bệnh án của BV), BS trực khoa xem, phản hồi và ký tên xác nhận.
* Đọc 2 khí máu động mạch, viết kết quả trực tiếp vào phiếu, BS phụ trách bệnh phòng hoặc BS trực khoa xem, phản hồi và ký tên xác nhận.
* Đọc 2 phim X quang ngực của bệnh nhi phụ trách, BS phụ trách bệnh phòng xem, phản hồi và ký tên xác nhận.
* Nếu làm nhiều hơn chỉ tiêu quy định sẽ được tính điểm cộng vào kiểm tra kết thúc khoa Hô hấp, 0,5-1 điểm.

**Thực hiện chỉ tiêu và báo cáo theo mẫu sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên bệnh nhi** | **Giới** | **Ngày sanh** | **Chỉ tiêu thực hiện** | | | **Ngày làm** | **Ký tên xác nhận của BS** |
| **Bệnh án mới** | **Khí máu động mạch** | **X quang ngực** |
| 1 |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |  |  |  |

**TÀI LIỆU HỌC TẬP**

1. Bài giảng Viêm hô hấp trên, Viêm tiểu phế quản, Viêm phổi, Hen.
2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng chuyên khoa Nhi: khám hô hấp, tiếp cận ho trẻ em, tiếp cận thở rít trẻ em, tiếp cận khò khè trẻ em, kỹ năng phun khí dung, X-quang phổi trẻ em.
3. Kendig's disorders of the respiratory tract in children. Robert William Wilmott, Robin Deterding, Albert Li, Felix Ratjen, Peter Sly, Healther J. Zar, Andrew Bush. Elsevier. 9th edition. 2019.
4. Nelson Textbook of Pediatris. Robert M. Kliegman. Elsevier. 20th Edition. 2016.

**./.HẾT./.**